TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14-AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc

2. Bà Huỳnh Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thuý Duy là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-An Giang: Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026, về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 641/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 705/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1994 (xin xét xử vắng mặt); địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã V, tỉnh An Giang; Số CCCD: 089194016462.

2. Bị đơn: Đặng Quốc B, sinh năm 1993 (vắng mặt); địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã V, tỉnh An Giang; Số CCCD: 089093005813.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:

Bà Đ và ông B có thời gian quen biết nhau do tự tìm hiểu, sau đó tổ chức lễ cưới về chung sống có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do ông B thường xuyên bỏ bê vợ con, tính tình không phù hợp, tình cảm vợ chồng rạn nứt thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ tháng

10 năm 2023 cho đến nay. Bà Đ không còn tình cảm kiên quyết ly hôn với ông B.

Về con chung có 02 con chung tên Đặng Minh T, sinh năm 2014; Đặng Minh T1, sinh năm 2018 hiện ông B đang nuôi dưỡng, bà Đ đồng ý giao 02 con chung cho ông B nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Đặng Quốc B vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, không ghi nhận được ý kiến trình bày, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-An Giang phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2014, đến cuối năm 2023 phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay chưa về chung sống lại; mâu thuẫn giữa bà Đ và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Minh T, sinh năm 2014; Đặng Minh T1, sinh năm 2018 hiện ông B đang nuôi dưỡng, bà Đ đồng ý giao 02 con chung cho ông B nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của bà Đ là phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11 tháng 5 năm 2026 bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có đơn yêu cầu ly hôn với ông Đặng Quốc B và yêu cầu giải quyết về nuôi con, ông Đ1 cư trú tại xã V, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14-An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 17/7/2026 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 705/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa

theo quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do, riêng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Đặng Quốc B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 24/12/2024 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà Đ và ông B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà Đ yêu cầu ly hôn. Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng Toà án đã tạo điều kiện hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông B vắng mặt suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền lợi của mình. Xét từ năm 2023 bà Đ và ông B đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp thường xuyên cãi nhau, các bên đã ly thân từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay bỏ mặc nhau tự sống, không còn tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông B có 02 con chung tên Đặng Minh T, sinh năm 2014; Đặng Minh T1, sinh năm 2018 hiện ông B đang nuôi dưỡng, bà Đ đồng ý giao 02 con chung cho ông B nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà Đ là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn được sống chung với ông B, tuy ông B vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nhưng cháu Minh T và Minh T1 từ nhỏ đến giờ vẫn sống chung với ông B do ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên để tránh làm xáo trộn tâm sinh lý và môi trường sinh sống học tập của con chung cần tiếp tục giao con chung cho ông B nuôi dưỡng là phù hợp, đối với việc cấp dưỡng nuôi con khi ông B có tranh chấp có đơn yêu cầu Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Đặng . Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Đặng Quốc B

Giấy chứng nhận kết hôn số 58/HT ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang) không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Đặng Quốc B được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Đặng Minh T sinh ngày 23/11/2014 và Đặng Minh T1, sinh ngày 30/9/2018. Bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Đặng Minh T và Đặng Minh T1 được sống chung với ông B, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của ông B.

Bà Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Đặng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp bà Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 307199 ngày 20-5-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 14-An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Gia;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng